

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/LĐ-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Từ Xuân Anh

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-LĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST - LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Th**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 28/1 ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Công ty TNHH A**;

Trụ sở: 74/10 đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 52 ĐHT 21, phường Đ, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh (Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 01/06/2021).

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Th (viết tắt bà Th) trình bày: Ngày 06/4/2017, Công ty TNHH A (viết tắt Công ty) nhận bà vào làm việc, vị trí công nhân QC, hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương 4.471.530 đồng/tháng, có tham gia bảo hiểm số 7908272925. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty thường xuyên nợ lương và không đóng bảo hiểm xã hội cho bà, ngày 26/02/2021 bà và Công ty đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 26/02/2021.

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, bà có liên hệ với Bảo hiểm xã hội để yêu cầu giải quyết các chế độ liên quan đến trợ cấp thất nghiệp thì mới biết Công ty chỉ đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2018, từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 Công ty có trừ tiền lương hàng tháng nhưng không đóng bảo hiểm xã hội cho bà.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho bà.

Bị đơn Công ty TNHH A có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Huệ trình bày: Công ty và bà Th có ký hợp đồng lao động và đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động như bà Th trình bày. Công ty xác nhận chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà Th đúng như nội dung khởi kiện của bà Th vì Công ty đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch covid trong thời gian qua. Công ty mong là hai bên sẽ thương lượng hòa giải.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, Công ty sẽ đóng theo đúng quy định của bảo hiểm xã hội.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Th khởi kiện yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 168 Bộ luật lao động và điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0304283938, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 06/4/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại: 74/10 Núi Thành, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Th khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận T là đúng quy định của pháp luật.

Xét Giấy ủy quyền ngày 01/6/2021 của Công ty là ủy quyền hợp lệ nên bà Lê Thị Huệ có đủ tư cách đại diện bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/3/2021, bà Th có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho bà là còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Xét bà Th yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho bà. Phía bị đơn cũng có bản tự khai trình bày ý kiến thừa nhận là chưa chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà Th đến hết ngày 26/02/2021, chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và hiện đang giữ sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà Th. Ý kiến này của các đương sự cũng trùng khớp với văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội quận T về việc Công ty còn phải đóng để chốt sổ bảo hiểm cho bà Th là 31.345.650 đồng, lãi 6.543.161 đồng, tổng 37.888.811 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: bị đơn đã thừa nhận toàn bộ sự việc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn trình bày chưa thực hiện do ảnh hưởng

của dịch covid 19, bị đơn đề nghị hai bên tự thỏa thuận nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về án phí lao động sơ thẩm: Theo điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Th thuộc một trong những trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Công ty phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 48 và Điều 168 Bộ luật lao động.

Áp dụng Luật phí và Lệ phí.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Th.

1.1 Buộc Công ty TNHH A chốt sổ bảo hiểm số 7908272925 của bà Đỗ Thị Th đến hết ngày 26/02/2021, đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2021 và trả sổ bảo hiểm số 7908272925 lại cho bà Đỗ Thị Th.

Thời gian thực hiện: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Th được miễn nộp.

- Công ty TNHH A phải nộp án phí lao động sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Lan Ngọc